

Bản án số:69/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NH1 DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thúy Nga và bà Nguyễn Thị Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm – Thư ký Tòa án nH1 dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 491/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H1**, sinh năm 1982

Bị đơn: Anh **Võ Đức H2**, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: tổ 7, ấp 6, xã Thanh Sơn, huyện Định Quán, Đồng Nai
(*Nguyên đơn có đơn vắng mặt; bị đơn vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Đức H2 kết hôn tự nguyện, chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn số 562, quyền số 02 ngày 28-11-2008 tại UBND xã Thanh Sơn, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nguyên nH1 do anh H2 đi làm xa, thỉnh thoảng mới về thăm nhà, không quan tâm đến gia đình, có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên kiếm chuyện chửi bới, đánh đập chị. Từ năm 2020 đến nay 02 người không còn sống chung với nhau. Chị nhận thấy tình cảm thương yêu không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh H2.

- Về nuôi con chung: có 03 con chung gồm: Võ Thị Thúy A, sinh ngày 20/6/2009, Võ Trần Bảo Q, sinh ngày 01/11/2014 và Võ Trần Mỹ Y, sinh ngày 16/5/2018. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh H2 không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án không thu thập được lời khai của bị đơn. Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự. Đồng thời đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến; không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H1. Về hôn nhân: Cho chị H1 được ly hôn với anh H2. Về con chung: Giao 03 con chung Thúy An, Bảo Quyên và Mỹ Yên cho chị H1 được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh H2 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H1 không yêu cầu. Tài sản chung: tự thỏa thuận, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Anh Võ Đức H2 có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp 6, xã Thanh Sơn, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán. Chị H1 yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 07/12/2022, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc chị H1 xin ly hôn với anh H2. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị là nguyên đơn, anh H2 là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn vắng mặt; Bị đơn anh H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 562, quyền số 02/2008, ngày 28-11-2008 tại UBND xã Thanh Sơn, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết

hôn theo luật định. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tại các biên bản xác minh đề ngày 19/04/2023 thể hiện vợ chồng chị có mâu thuẫn là do anh H2 đi làm ăn xa. Thịnh thoảng mới về nhà thăm con. Anh H2 ngoài việc gửi tiền về hàng tháng phụ chị nuôi dưỡng con, ngoài ra không quan tâm đến cuộc sống hàng ngày của chị cũng như các con. Đến năm 2020 thì hai người sống ly thân dẫn đến tình cảm rạn nứt phai nhạt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú thì anh đều biết nhưng không đến Tòa án, thể hiện thái độ bỏ mặc mạnh ai nấy sống, không quan tâm, không có thiện chí hàn gắn tình cảm đoàn tụ gia đình. Kết quả xác minh thu thập chứng cứ như trên về mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị H1 và anh H2 đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên cho chị H1 được ly hôn với anh H2.

- Về nuôi con chung: có 03 con chung Võ Thị Thúy A, sinh ngày 20/6/2009, Võ Trần Bảo Q, sinh ngày 01/11/2014 và Võ Trần Mỹ Y, sinh ngày 16/5/2018. Tại các biên bản xác minh ngày 19/4/2023 thể hiện từ năm 2009 đến nay chị H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm lo cho con chu đáo, được đi học đầy đủ. Chị là người phụ nữ chăm chỉ lao động, đi làm thuê và chăn nuôi trồng rau tại nhà, thu nhập mỗi tháng trung bình khoảng 4.000.000đ/tháng đủ điều kiện nuôi con, gia đình chị thuộc diện hộ nghèo. Bên cạnh đó con chung Thúy An và Bảo Quyên có đơn nguyện vọng mong muốn được mẹ nuôi dưỡng. Quá trình hòa giải về nuôi con chung thì anh H2 cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc nuôi con. Để bảo đảm cuộc sống cho con chung phát triển tốt về mặt thể chất cũng như ổn định vấn đề tinh thần, tâm lý cho trẻ nên tiếp tục giao 03 con chung cho chị H1 được nuôi dưỡng là có cơ sở. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, do chị H1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho anh H2 nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H2 không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị H1 phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 18, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nH1 và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nH1 và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H1.

- Về hôn nH1: Chị Trần Thị H1 được ly hôn với anh Võ Đức H2.

- Về nuôi con chung: Giao 03 con chung Võ Thị Thúy A, sinh ngày 20/6/2009, Võ Trần Bảo Q, sinh ngày 01/11/2014 và Võ Trần Mỹ Y, sinh ngày 16/5/2018 cho chị Trần Thị H1 được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời miễn cho anh H2 nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, anh H2 và chị H1 có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ chị H1 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003990 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị H1 và anh H2 biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA DS huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Thanh Sơn, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, số 562, quyển số 02, ngày 28/11/2008 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan

